TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2020
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Trung D**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Nông Thị T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh D, ông H đều có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Trung D trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 22/5/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình anh ở xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tháng 01 năm 2020 nên sống ly thân từ đó đến nay, tuy vẫn ở chung nhà nhưng không ai hỏi han gì đến ai. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì gia đình anh nhiều lần họp gia đình hòa giải nhưng vợ chồng chỉ hòa thuận được 1 đến 2 ngày là lại tiếp tục mâu thuẫn. Đến nay, anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Linh T, sinh ngày 13/12/2016. Ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Từ nhỏ đến lớn con chủ yếu do bố mẹ anh chăm sóc nuôi dưỡng. Đến ngày 01/8/2020 chị T bế con bỏ nhà đi từ đó đến nay không nói cho anh biết là đi đâu. Đến nay anh tìm hiểu thì được biết là chị T đưa con anh về gửi ở nhà bố mẹ đẻ ở xóm B, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng và chị T đã đi làm trên Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cách nhà bố mẹ đẻ chị T khoảng 200 km. Bố chị T nghiện ma túy, đã 2 lần bị đưa đi cai nghiện bắt buộc. Gia đình chị T ở vùng núi, điều kiện kinh tế không thuận lợi. Chị T tính tình bốc đồng, ngang bướng là phụ nữ nhưng hút thuốc lá, uống bia rượu, công việc và thu nhập không ổn định, không ở chỗ làm nào chị T làm quá 2, 3 tháng, nên giao con cho chị T nuôi sẽ không đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Anh có công việc và thu nhập ổn định, thu nhập của anh là 9.000.000 đồng/ 01 tháng. Anh có nhà của bố mẹ đẻ để bố con anh ở, có bố, mẹ đẻ còn khỏe, có điều kiện tốt phụ giúp trong việc chăm nom con.

Về phần tài sản chung và nợ chung: vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị T đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, thay đổi địa chỉ không thông báo cho anh D và Tòa án.

* Người làm chứng là ông Nguyễn Trọng H (bố đẻ của anh D) trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng cũng như anh D trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống do vùng miền, dân tộc nên không thông cảm cho nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn gia đình ông đã 4 lần họp đại

gia đình để hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T đã biết việc anh D xin ly hôn, đã đến Tòa án huyện Vũ Thư, sau khi ở Tòa án về chị T có nói là không đồng ý để anh D nuôi con và bế con bỏ trốn đi. Về con chung từ nhỏ đến nay chủ yếu do ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc, ly hôn ông đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Linh Trang cho anh D nuôi vì anh D có việc làm, thu nhập ổn định, chị T khi còn ở nhà ông không tu chí làm ăn, thường xuyên thay đổi công việc, không có chỗ nào chị T làm được quá 2 đến 3 tháng, thu nhập không ổn định. Gia đình chị T hoàn cảnh khó khăn, nên giao con chung cho anh D nuôi dưỡng điều kiện sinh hoạt học tập của cháu sẽ tốt hơn chị T rất nhiều. Ông và vợ ông còn khỏe và chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trang từ nhỏ đến nay nếu giao con cho anh D nuôi dưỡng, ông bà sẽ phụ giúp anh D trong việc trông nom chăm sóc con chung.

* Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như anh D trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc do không hòa hợp được về tính cách, quan điểm sống. Đến ngày 01/8/2020 chị T bế con bỏ đi không về địa phương nữa. Về con chung, anh D, chị T đều có điều kiện nuôi con nhưng điều kiện nuôi con của anh D tốt hơn.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh D được ly hôn chị T. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Linh T, sinh ngày 13/12/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không xem xét giải quyết. Án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh

Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh D, chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 01/2020. Anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Chị T đã biết việc anh D có đơn xin ly hôn nhưng cũng không đến Tòa án và không có ý kiến xin đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa anh D và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, cho anh D được ly hôn chị T.

[3.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Linh T, sinh ngày 13/12/2016. Anh D có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con tốt hơn, chị T không đến Tòa án để trình bày quan điểm do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh D, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng con Trang. Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trung D được ly hôn chị Nông Thị T.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Trung D trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Linh T, sinh ngày 13/12/2016. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nông Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Trung D và chị Nông Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Trung D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003900 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Anh Nguyễn Trung D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trung D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/10/2020.

Chị Nông Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x/2016 ngày xx/5/2016)
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương